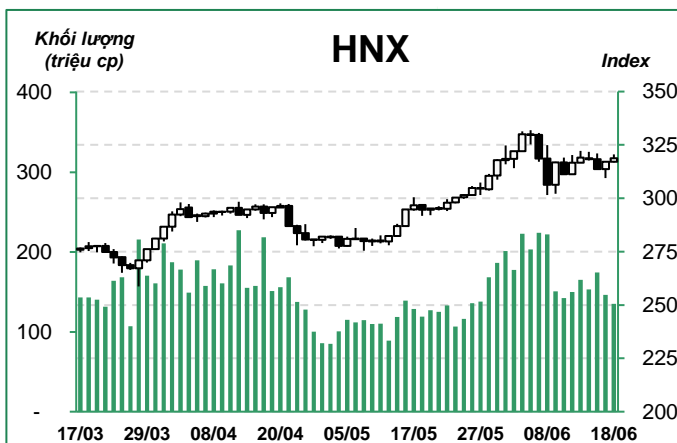
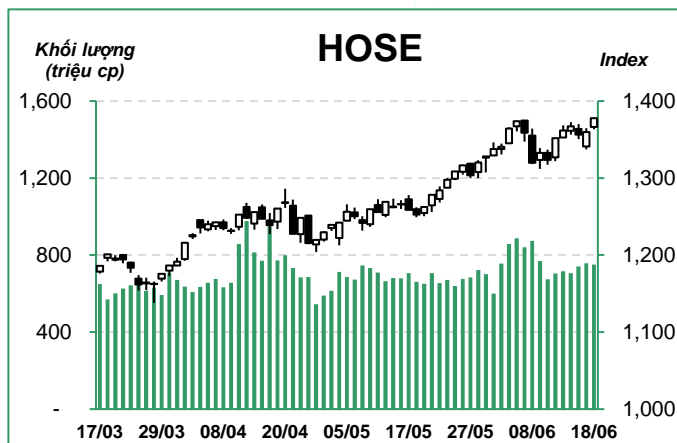


## Tổng quan thị trường

18/06/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>1,377.77</b>	<b>1.31%</b>	<b>1,481.30</b>	<b>1.33%</b>	<b>318.73</b>	<b>0.52%</b>
Cuối tuần trước	1,351.74	1.93%	1,487.61	-0.42%	316.69	0.64%
Trung bình 20 ngày	1,345.83	2.37%	1,471.34	0.68%	317.04	0.53%
<b>Tổng KLGĐ (triệu cp)</b>	<b>809.47</b>	<b>5.30%</b>	<b>214.59</b>	<b>-3.22%</b>	<b>139.60</b>	<b>-9.10%</b>
<b>KLGĐ khớp lệnh</b>	<b>750.59</b>	<b>-0.86%</b>	<b>198.66</b>	<b>-10.34%</b>	<b>134.98</b>	<b>-7.80%</b>
Trung bình 20 ngày	749.55	0.14%	267.20	-25.65%	174.13	-22.48%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>23,734.88</b>	<b>5.40%</b>	<b>10,864.62</b>	<b>0.22%</b>	<b>3,035.72</b>	<b>-13.68%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>20,914.69</b>	<b>-4.23%</b>	<b>9,829.77</b>	<b>-2.54%</b>	<b>2,867.79</b>	<b>-13.99%</b>
Trung bình 20 ngày	24,023.74	-12.94%	13,502.68	-27.20%	4,135.59	-30.66%
	<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>	
<b>Số mã tăng</b>	249	56%	22	73%	133	36%
<b>Số mã giảm</b>	138	31%	7	23%	87	24%
<b>Số mã đứng giá</b>	54	12%	1	3%	150	41%



Thị trường chốt lại phiên cơ cấu của 2 quỹ ETF ngoại bằng một phiên giao dịch tăng điểm vượt đỉnh của VN-Index với sự áp đảo của lực cầu dù thanh khoản thị trường chưa có sự đột biến đáng kể. Không chỉ các cổ phiếu Bluechips bứt phá mạnh, dòng tiền cũng cho thấy sự lan tỏa đồng thuận đến các nhóm cổ phiếu midcap và penny cho thấy thị trường có thể đã kết thúc nhịp điều chỉnh để bước vào nhịp tăng mới.

Trên sàn HoSE, VN-Index đóng cửa cao nhất phiên và đồng thời thiết lập đỉnh lịch sử mới tại mức 1,377.77 điểm (+1.31%). KLGĐ khớp lệnh đạt 750.6 triệu cổ phiếu (-0.9%), tương đương 20,915 tỷ đồng giá trị (-4.2%). Độ rộng thị trường nghiêng hoàn toàn về bên mua với 249 mã tăng/138 mã giảm.

Sự hồi sinh của nhóm cổ phiếu ngân hàng khiến tâm lý của các đầu tư trở nên hưng phấn trở lại và lan tỏa dòng tiền đến nhiều nhóm ngành khác như thép, BĐS hay F&B. Trong đó, các bluechips tác động tích cực nhất đến chỉ số là Vietcombank-VCB (+4.1%), Vinhomes-VHM (+3.2%), Masan-MSN (+3.4%), Sabeco-SAB (+3.1%). Ở chiều ngược lại, ảnh hưởng từ phiên điều chỉnh hôm qua của giá dầu thế giới kích hoạt làn sóng bán chốt lời ở các cổ phiếu trong nhóm dầu khí như PV Gas-GAS (-1.3%), Dầu khí Nam Sông Hậu-PSH (-6.9%), Petrolimex-PLX (-0.4%), Khoan Dầu khí PVDrilling-PVD (-1.9%).

Khối ngoại mua ròng 365.5 tỷ đồng trên sàn HoSE trong phiên cơ cấu 2 quỹ ETF ngoại. Trong đó, khối ngoại mua ròng nhiều nhất là các cổ phiếu được thêm vào các rổ chỉ số của FTSE Vietnam Index và MVIS Vietnam Index như BĐS Phát Đạt-PDR (+239.1 tỷ), Tập đoàn Hoa Sen-HSG (+209.0

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
IMP	5,283.0	429.01
PDR	3,070.2	282.45
GEX	12,250.0	281.50
TCB	5,048.0	253.52
EIB	7,020.0	207.69
VNM	2,053.1	188.98
APH	2,493.0	166.53
VCG	2,750.0	136.67
VRE	2,232.2	72.55
VCB	590.0	63.17
<b>HNX</b>		
IDC	2,655.0	95.97
THD	200.0	39.60
HMH	1,020.0	14.28
SHB	175.6	4.79
NRC	169.2	3.99
PVS	95.1	3.14
VCS	31.0	3.01
ARM	36.0	1.49
QBS	145.8	0.52
NSH	67.3	0.49

tỷ), An Phát Holdings-APH (+158.6 tỷ). Trong khi đó, dẫn đầu ở chiều bán ròng là MBBank-MBB (-98.5 tỷ), Novaland-NVL (-93.9 tỷ), Vietinbank-CTG (-93.0 tỷ).

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index đóng cửa tăng lên mức 318.73 điểm (+0.52%). Thanh khoản sụt giảm với KLGD khớp lệnh đạt 135.0 triệu cổ phiếu (-7.8%), tương đương 2,867.8 tỷ đồng giá trị (-14.0%).

Mặc dù chỉ số duy trì sắc xanh trong cả phiên giao dịch, diễn biến của các nhóm ngành trên sàn HNX không đồng thuận. Đóng góp chính cho đà tăng của chỉ số là một số cổ phiếu như Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+1.1%), Cảng Hải Phòng-PHP (+4.8%), Nhựa Tiên Phong-NTP (+4.7%), Hóa chất Lâm Thao-LAS (+10.0%). Ở chiều ngược lại, nhóm dầu khí với Dầu khí PTSC-PVS (-0.3%), Hóa dầu Petrolimex-PLC (-1.1%) cùng một số cổ phiếu nhóm chứng khoán như Chứng khoán Trí Việt-TVB (-4.5%), Chứng khoán VNDIRECT-VND (-0.5%), Chứng khoán BIDV-BSI (-0.5%) giao dịch âm ảm và không còn giữ được đà tăng trong phiên hôm nay.

Trái ngược với sàn HNX, khối ngoại có phiên bán ròng trở lại trên sàn HNX, đạt giá trị 31.9 tỷ đồng. Lực bán tập trung ở các cổ phiếu Chứng khoán VNDIRECT-VND (-9.2 tỷ), Dệt may TNG-TNG (-4.5 tỷ), Tập đoàn PAN-PAN (-4.0 tỷ). Trái lại, một số cổ phiếu được mua nhưng giá trị không đáng kể như Đầu tư Sao Thăng Long-DST (+0.6 tỷ), Chứng khoán Trí Việt-TVB (+0.5 tỷ), Dầu khí PTSC-PVS (+0.4 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp. Khối lượng giao dịch gia tăng lên trên mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền tham gia thị trường tích cực. Không những vậy, xu hướng tăng của chỉ số đang tiếp diễn, khi chỉ số duy trì đóng cửa trên MA5, cùng với đường ADX nằm trên vùng 24 và đường +DI nở rộng khoảng cách lên phía trên so với -DI, cho tín hiệu xác nhận xu hướng tăng hiện tại. Thêm vào đó, chỉ số vượt qua ngưỡng đỉnh cũ quanh 1,375 điểm, cùng với RSI phục hồi trở lại vùng 65, cho thấy đà tăng đang mạnh dần lên, chỉ số có thể tiếp tục đi lên thử thách ngưỡng kháng cự tâm lý 1,400 điểm trong những phiên tới. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp và duy trì đóng cửa trên MA20, cho thấy xu hướng tăng đang tiếp diễn, chỉ số có thể sớm tiến lên thử thách ngưỡng 330 điểm (đỉnh cũ). Nhìn chung, xu hướng tăng của thị trường đang tiếp diễn và có cơ hội hướng lên thử thách các ngưỡng kháng cự cao hơn. Do đó, nhà đầu tư nên cân nhắc tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để tái có cấu danh mục vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và được dòng tiền mạnh hướng tới.

## Thống kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SFG	9.5	88.3	7.0%
SJS	61.4	913.3	7.0%
NTL	26.9	2,460.6	7.0%
HRC	63.1	0.1	6.9%
VOS	6.0	2,814.7	6.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PSH	28.9	366.8	-6.9%
TSC	12.8	7,009.4	-6.9%
TDW	32.6	0.9	-6.9%
TCO	13.1	2.0	-6.8%
VMD	29.3	22.3	-6.7%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	52.1	1,565.1	1.4%
MBB	40.6	1,064.2	1.6%
VPB	66.5	1,026.3	0.8%
HSG	43.0	821.2	2.9%
FLC	15.2	785.8	3.1%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
FLC	15.2	52,998.0	3.1%
FIT	15.3	30,073.9	2.0%
HPG	52.1	29,982.7	1.4%
ROS	7.0	27,251.8	-2.4%
MBB	40.6	26,123.7	1.6%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
LAS	13.2	3,532.2	10.0%
KTS	18.7	26.6	10.0%
SEB	42.9	0.9	10.0%
VSA	29.8	21.9	10.0%
GDW	23.2	0.1	10.0%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VLA	13.6	1.0	-9.9%
HEV	13.6	10.0	-9.3%
SDG	34.0	0.1	-9.3%
HBE	7.9	4.5	-9.2%
TMC	10.9	20.9	-9.2%

#### Top 5 giá trị

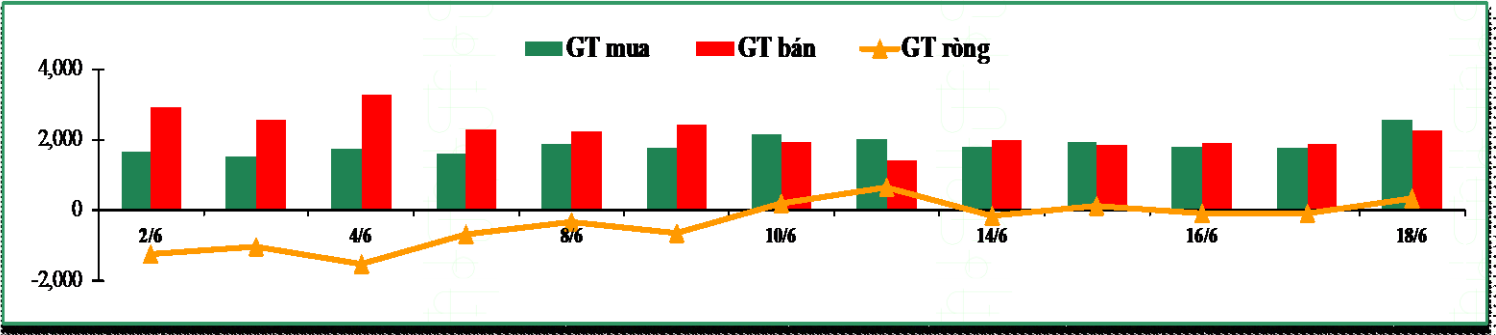
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	27.5	469.1	1.1%
PVS	29.9	370.7	-0.3%
SHS	42.3	279.6	0.2%
IDC	38.9	279.0	-1.0%
VND	43.7	191.5	-0.5%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	27.5	16,851.4	1.1%
PVS	29.9	12,470.4	-0.3%
IDC	38.9	7,314.6	-1.0%
CEO	10.8	7,247.5	3.8%
NVB	19.2	6,920.6	0.0%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	2,554.9	10.8%	2,189.4	9.2%	365.5
HNX	14.4	0.5%	46.3	1.5%	-31.9
<b>Tổng số</b>	<b>2,569.3</b>		<b>2,235.7</b>		<b>333.6</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	92.1	297.4	1.2%
PDR	92.1	291.4	0.4%
HSG	43.0	215.6	2.9%
VCB	108.5	198.9	4.1%
APH	66.8	158.6	6.4%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	92.1	200.7	1.2%
VRE	32.5	119.6	-1.1%
MBB	40.6	114.0	1.6%
DXG	24.2	110.9	0.0%
CTG	51.2	108.1	1.4%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PDR	92.1	239.1	0.4%
HSG	43.0	209.0	2.9%
APH	66.8	158.6	6.4%
VCB	108.5	131.5	4.1%
STB	29.7	128.3	0.9%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	43.7	7.0	-0.5%
PAN	29.4	1.9	0.0%
DST	4.7	0.6	9.3%
TVB	15.0	0.5	-4.5%
PVS	29.9	0.5	-0.3%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	43.7	16.2	-0.5%
PAN	29.4	5.9	0.0%
TNG	26.0	4.5	1.6%
NRC	21.5	3.8	0.0%
PVC	11.9	3.6	-1.7%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
DST	4.7	0.6	9.3%
TVB	15.0	0.5	-4.5%
PVS	29.9	0.4	-0.3%
INN	29.2	0.2	3.2%
CLH	21.8	0.2	3.8%

## Tin trong nước

### Tiền gửi dân cư tăng chậm lại

Theo số liệu mới công bố từ Ngân hàng Nhà nước (NHNN), đến cuối tháng 4, tiền gửi của dân cư tăng 2,34% so với đầu năm, ở mức gần 5,3 triệu tỷ đồng. Con số này thấp hơn cùng kỳ năm 2020, là 3,37%. Đây là năm thứ tư liên tiếp, tốc độ tăng trưởng tiền gửi chậm lại.

Khác với khu vực dân cư, tiền gửi các tổ chức kinh tế lần đầu tăng trưởng dương trong 4 tháng, kể từ năm 2018. Sau khi tăng 2,05%, giá trị tiền gửi nâng lên gần 5 triệu tỷ đồng. Xét cả năm, tiền gửi của các tổ chức kinh tế tại ngân hàng vẫn liên tục tăng trưởng với tốc độ nhanh hơn trong 5 năm gần đây.

Thống kê 28 ngân hàng trên sàn chứng khoán, tổng tiền gửi khách hàng tăng 1,3% trong 3 tháng đầu năm 2021. Tuy nhiên, tăng trưởng tiền gửi có sự phân hóa, nhiều ngân hàng lớn giảm huy động, trong khi số khác tăng.

### HDBank tiên phong triển khai lên Basel III

HDBank (HoSE: HDB) triển khai việc nâng cấp áp dụng tiêu chuẩn Basel II lên Basel III. Đến nay, Ngân hàng đã áp dụng 2 chỉ số LCR. Tỷ lệ đảm bảo khả năng thanh khoản (Liquidity Coverage Ratio) và NSFR – Hệ số quỹ bình ổn ròng (Net Stable Fund Ratio) của Basel III. Hơn thế, chỉ số NSFR đã đạt tới 150%, cao hơn so với mức tối thiểu 100%.

Những bước đi của HDBank tiếp tục cho thấy vị thế tiên phong của ngân hàng trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế cùng với một số ít các ngân hàng tại Việt Nam. Cuối năm 2020, đây cũng là một trong những ngân hàng đầu tiên công bố hoàn thành cả 3 trụ cột của tiêu chuẩn Basel II, phù hợp với Thông tư 41, Thông tư 13 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Basel III là phiên bản mới của tiêu chuẩn hoạt động ngân hàng toàn cầu, được ban hành vào năm 2010, nhằm cải tiến phiên bản Basel II, ngay sau khi xảy ra sự kiện khủng hoảng tài chính những năm 2007 – 2009 và được quốc tế khuyến nghị nên áp dụng từ ngày 1/1/2023.

Nguồn: NDH

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Masan chốt danh sách cổ đông chi hơn 1.100 tỷ đồng tạm ứng cổ tức đợt 1/2021**

Ngày 2/7 tới đây Tập đoàn Masan (mã chứng khoán MSN) sẽ chốt danh sách cổ đông chi tạm ứng cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền. Tỷ lệ thanh toán 9,5%. Thời gian thanh toán 16/7/2021.

Như vậy với hơn 1,18 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, Masan sẽ chi khoảng 1.100 tỷ đồng tạm ứng cổ tức đợt này cho cổ đông.

Kết quả kinh doanh quý 1/2021 Masan đạt 19.977 tỷ đồng doanh thu, tăng trưởng 13,3% so với quý 1 năm ngoái. Lợi nhuận sau thuế đạt gần 343 tỷ đồng, cải thiện nhiều so với số lỗ 216 tỷ đồng ghi nhận trong quý 1/2020, trong đó lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ đạt hơn 187 tỷ đồng. Tính đến 30/1/2021 Masan còn 2.469 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế lũy kế chưa phân phối.

### **Novaland muốn vay thêm tối đa 2.900 tỷ đồng, bảo đảm bằng cổ phiếu NVL**

HĐQT Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland, HoSE:NVL) vừa chấp thuận phương án vay vốn tối đa 1.600 tỷ đồng qua giao dịch bảo đảm. Ngoài ra, từ đầu tháng 6 đến nay, HĐQT đã phê duyệt nghị quyết liên quan đến 2 đợt phát hành trái phiếu với tổng giá trị tối đa là 1.300 tỷ đồng.

Khoản vay được bảo đảm bằng cổ phiếu bằng cổ phần của Chủ tịch HĐQT, CTCP NovaGroup cùng một số tài sản khác.

Novaland cũng xin ý kiến cổ đông về việc tiếp tục phát hành cổ phiếu thường lần thứ 2 trong năm nay và chia cổ tức bằng cổ phiếu. Tỷ lệ phát hành cổ phiếu thường tối đa là 29% và chia cổ tức là 31%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách lấy ý kiến cổ đông vào 29/6. Trước đó, doanh nghiệp đã phát hành xong gần 386 triệu cổ phiếu thường đợt 1 cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 35,68%, qua đó vốn điều lệ tăng lên 14.676 tỷ đồng.

### **Đệt may TCM lãi tháng 5 giảm, tăng tỷ trọng doanh thu bán vải**

Công ty Đệt may Đầu tư Thương mại Thành Công (HoSE: TCM) cho biết doanh thu tháng 5 đạt 13,6 triệu USD (311 tỷ đồng), giảm 2,5% so với cùng kỳ năm trước. Lãi sau thuế 705.000 USD (16 tỷ đồng), giảm 45%. So với tháng trước, doanh thu giảm 3% và lợi nhuận giảm 14%.

Lũy kế 5 tháng, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu 67,5 triệu USD (1.546 tỷ đồng), tăng 19%; lãi sau thuế 4,1 triệu USD (94 tỷ đồng), tăng 38% và thực hiện 33% kế hoạch năm.

Trong cơ cấu doanh thu tháng 5, tỷ trọng hàng may mặc giảm từ mức 72% xuống 68% nhưng tỷ trọng vải tăng đáng kể từ 14% lên 20%. Doanh nghiệp có chiến lược phát triển sản phẩm vải để tại dụng các hiệp định thương mại tự do EVFTA.

Lũy kế 5 tháng, tỷ trọng hàng may mặc tăng từ 70% lên 74%, vải giảm từ 21% xuống 14% và sợi tăng từ 8% lên 11%. Nguyên nhân là do năm nay không có đơn hàng khẩu trang, bảo hộ y tế và vải anti virus như năm trước.

Năm 2021, doanh nghiệp đề ra kế hoạch doanh thu 4.218 tỷ đồng, tăng 20%; lãi sau thuế 290 tỷ đồng, tăng 5% so với thực hiện năm trước; tỷ lệ cổ tức 25%. Lãnh đạo TCM lý giải biên lợi nhuận giảm do các đơn hàng bảo hộ y tế có mức lợi nhuận tốt giảm đáng kể trong năm nay.

Dù vậy, quý I, đơn vị dệt may thực hiện được 22% chỉ tiêu doanh thu với 945 tỷ đồng, tăng 19,6%; lãi sau thuế thực hiện 21% kế hoạch với 62 tỷ đồng, tăng 83%. Nguyên nhân biên lợi nhuận quý I tốt hơn là nhờ mảng sợi, giá bán cao hơn trong khi giá nguyên vật liệu mua trước đó thấp.

Nguồn: NDH, Cafef

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VNM	Mua	21/06/21	92.1	92.1	0.0%	101.5	10.2%	88.6	-3.8%	Quay lại xu hướng phục hồi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	MSN	Quan sát mua	21/06/21	106.5	125	Tín hiệu test đáy tốt với nền rút chân từ MA50 kèm vol tăng nhẹ -> có cơ hội tạo đáy quanh vùng giá hiện tại, cần tiếp tục tăng vượt 107.5 để xác nhận
2	SCR	Quan sát mua	21/06/21	11.55	14	Tín hiệu điều chỉnh quanh vùng đỉnh 12 khá tích cực với áp lực bán yếu -> khả năng sẽ sớm tăng lại vượt đỉnh, có thể canh mua khi giá tiếp tục điều chỉnh về vùng 10.5-11
3	CEO	Quan sát mua	21/06/21	10.8	13	Nền break nền tích lũy và MA50 kèm vol cao -> khả năng bắt đầu nhịp tăng về cạnh trên mẫu hình tam giác
4	SMC	Quan sát mua	21/06/21	38.9	47	Nền bật tăng tốt từ MA50 và thoát nền tích lũy kèm vol cao trở lại -> khả năng quay lại xu hướng tăng và vượt đỉnh

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VSC	Nắm giữ	28/04/21	59	49.9	18.2%	60	20.2%	47	-6%	
2	PVS	Nắm giữ	19/05/21	29.9	21.8	37.2%	31.3	43.6%	20.5	-6%	
3	BVH	Mua	04/06/21	61	54.9	11.1%	63	15%	53	-3%	
4	VRE	Mua	10/06/21	32.5	31.7	2.5%	36	14%	30	-5%	
5	PLC	Mua	14/06/21	27.7	26.4	4.9%	30.6	16%	24.7	-6%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

6	KBC	Mua	15/06/21	38.5	35.4	8.8%	42	19%	33.3	-6%	
7	VCS	Mua	16/06/21	107.5	103.7	3.7%	122	18%	97.8	-6%	
8	SBT	Mua	17/06/21	22.8	21.1	8.1%	24	14%	20.4	-3%	
9	POW	Mua	18/06/21	12.3	12.4	-0.8%	14.3	15%	11.7	-6%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 18/06/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	9,320	3.6%	261%	37,390	4	83,800	7,863	(1,457)	SSI	FPT	50,000	4.3	22/06/2021
CFPT2101	1,500	4,090	-2.6%	173%	13,780	17	83,800	1,803	(2,287)	MBS	FPT	74,500	5.2	05/07/2021
CHDB2101	1,000	3,400	4.6%	240%	4,700	96	34,250	922	(2,478)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2020	5,700	45,000	2.4%	689%	1,120	12	52,100	37,312	(7,688)	VND	HPG	26,000	0.7	30/06/2021
CHPG2101	1,050	8,600	2.4%	719%	3,010	96	52,100	1,966	(6,634)	KIS	HPG	46,888	2.9	22/09/2021
CHPG2102	6,600	30,000	3.5%	355%	5,280	17	52,100	15,916	(14,084)	ACBS	HPG	41,000	0.7	05/07/2021
CHPG2103	3,900	14,530	4.2%	273%	4,800	18	52,100	6,763	(7,767)	VND	HPG	42,000	1.5	06/07/2021
CHPG2104	1,500	8,800	3.5%	487%	7,690	17	52,100	3,339	(5,461)	MBS	HPG	44,800	2.2	05/07/2021
CHPG2105	3,000	16,850	2.5%	462%	8,230	52	52,100	6,819	(10,031)	HCM	HPG	42,000	1.5	09/08/2021
CHPG2106	4,100	13,700	1.5%	234%	5,220	70	52,100	1,755	(11,945)	MBS	HPG	50,200	1.5	27/08/2021
CHPG2107	1,300	5,620	2.9%	332%	39,070	55	52,100	1	(5,619)	KIS	HPG	59,368	3.7	12/08/2021
CHPG2108	1,200	5,500	2.4%	358%	28,580	55	52,100	1	(5,499)	KIS	HPG	59,456	3.7	12/08/2021
CKDH2002	1,600	3,980	4.7%	149%	15,900	59	37,350	2,809	(1,171)	KIS	KDH	27,333	3.6	16/08/2021
CKDH2101	1,000	2,900	1.8%	190%	10,420	96	37,350	954	(1,946)	KIS	KDH	33,333	4.5	22/09/2021
CKDH2102	2,800	6,100	5.2%	118%	16,340	56	37,350	3,529	(2,571)	MBS	KDH	31,100	1.8	13/08/2021
CMBB2101	1,600	7,200	0.0%	350%	29,060	18	40,550	7,289	89	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	1,200	3,330	4.7%	178%	2,870	55	40,550	619	(2,711)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	2,780	1.1%	165%	2,140	96	106,500	422	(2,358)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	2,540	3.3%	154%	1,810	96	106,500	123	(2,417)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMSN2103	3,000	5,570	-0.7%	86%	3,530	56	106,500	3,132	(2,438)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	12,000	25,000	0.9%	108%	2,950	12	141,000	22,534	(2,466)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2101	2,400	2,690	-0.4%	12%	3,380	18	141,000	2,412	(278)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	6,100	-1.5%	103%	4,570	45	141,000	4,263	(1,837)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2103	1,900	1,550	-2.5%	-18%	8,090	17	141,000	1,263	(287)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	8,500	0.6%	254%	1,020	(88)	141,000	(190)	(8,690)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMWG2105	2,950	4,550	1.1%	54%	11,500	70	141,000	1,304	(3,246)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2101	1,000	4,810	5.3%	381%	16,520	96	103,000	2,174	(2,636)	KIS	NVL	77,999	11.7	22/09/2021
CNVL2102	1,100	2,970	0.3%	170%	8,370	101	103,000	0	(2,970)	KIS	NVL	128,399	11.8	27/09/2021
CPDR2101	1,100	4,510	-2.6%	310%	33,000	70	92,100	949	(3,561)	KIS	PDR	88,888	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	5,120	-0.6%	365%	19,440	101	92,100	1,161	(3,959)	KIS	PDR	88,999	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	2,120	3.4%	25%	8,060	18	98,000	2,029	(91)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	4,830	-1.4%	142%	6,150	45	98,000	3,642	(1,188)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CREE2101	2,300	2,800	0.0%	22%	41,360	18	59,700	2,938	138	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,730	0.7%	148%	10,840	96	22,800	75	(2,655)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2101	1,000	6,400	-1.4%	540%	4,220	96	29,650	3,889	(2,511)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2103	1,400	7,520	-2.3%	437%	9,590	52	29,650	5,852	(1,668)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	10,150	1.0%	154%	4,780	70	29,650	6,844	(3,306)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	29,450	1.6%	445%	4,990	42	51,000	29,054	(396)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	23,710	-0.8%	374%	2,120	109	51,000	20,198	(3,512)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	7,740	0.0%	237%	10,000	18	51,000	7,519	(221)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	9,450	0.5%	226%	10,030	52	51,000	7,804	(1,646)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	7,130	0.4%	257%	4,410	70	51,000	2,727	(4,403)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	2,240	9.8%	40%	27,440	59	23,500	120	(2,120)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,900	8.6%	190%	3,360	96	23,500	166	(2,734)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	2,720	3.4%	-1%	10,870	56	23,500	81	(2,639)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	1,720	11.0%	43%	23,300	55	23,500	0	(1,720)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021
CVHM2101	1,100	3,110	3.7%	183%	1,200	96	112,500	474	(2,636)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	2,560	2.4%	35%	42,040	18	112,500	2,559	(1)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2104	1,600	3,150	1.9%	97%	33,380	52	112,500	1,480	(1,670)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	3,100	0.0%	107%	6,460	56	112,500	1,001	(2,099)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	3,400	2.7%	162%	12,680	55	112,500	43	(3,357)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021
CVIC2101	1,000	2,990	-0.3%	199%	2,380	96	117,400	51	(2,939)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2103	1,100	2,440	5.2%	122%	3,260	101	117,400	0	(2,440)	KIS	VIC	165,899	20.0	27/09/2021
CVNM2101	1,100	2,150	-3.6%	95%	2,940	96	92,100	0	(2,150)	KIS	VNM	126,888	19.6	22/09/2021
CVNM2102	1,700	410	36.7%	-76%	35,060	18	92,100	(0)	(410)	VND	VNM	108,994	9.8	06/07/2021
CVNM2104	1,480	3,050	7.0%	106%	6,250	87	92,100	13	(3,037)	MBS	VNM	103,000	9.9	13/09/2021
CVNM2105	1,100	1,820	1.1%	65%	11,210	101	92,100	0	(1,820)	KIS	VNM	119,399	19.8	27/09/2021
CVPB2015	5,600	40,700	2.8%	627%	920	42	66,500	40,564	(136)	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	2,900	14,790	-1.0%	410%	1,660	18	66,500	14,770	(20)	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2103	2,700	15,350	0.0%	469%	11,810	52	66,500	15,056	(294)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	8,060	0.5%	222%	4,720	70	66,500	5,900	(2,160)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVRE2013	5,000	6,380	-2.9%	28%	10,380	42	32,500	5,068	(1,312)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	2,410	-3.2%	101%	1,670	96	32,500	134	(2,276)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	1,060	-5.4%	-41%	20,280	18	32,500	633	(427)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	2,010	-5.6%	55%	9,580	52	32,500	249	(1,761)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	3,210	-0.3%	7%	4,840	56	32,500	87	(3,123)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**	
KDH	(New)	HOSE	37,350	37,950	16/06/2021	1,174	1,885	14,536	15%	9%	20.1	2.6	-
SZC	(New)	HOSE	41,600	44,400	15/06/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	21.2	3.3	10%
GMD	(New)	HOSE	43,900	54,800	09/06/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	0%
AAA	(New)	HOSE	19,450	21,500	07/06/2021	413	1,739	17,474	11%	5%	10.2	1.0	-
NLG	(New)	HOSE	39,900	43,800	31/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	9%	10.2	1.6	5%
VRE		HOSE	32,500	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6	-
VHM		HOSE	112,500	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2	-
PHR		HOSE	59,000	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
GVR		HOSE	34,500	40,200	28/05/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
SZC		HOSE	41,600	44,500	28/05/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	22.0	3.3	0%
KBC		HOSE	38,500	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5	0%
REE		HOSE	59,700	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
ANV		HOSE	32,500	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
VHC		HOSE	47,100	48,900	27/05/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
FMC		HOSE	39,000	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
MPC		UPCOM	41,000	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
IMP		HOSE	80,200	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3	-
DHG		HOSE	95,900	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
FRT		HOSE	28,600	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4	10%
DGW		HOSE	128,900	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3	20%
PNJ		HOSE	98,000	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
MWG		HOSE	141,000	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8	15%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

SAB		HOSE	171,200	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
MSN		HOSE	106,500	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
VNM		HOSE	92,100	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
TCM		HOSE	92,000	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
STK		HOSE	40,300	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
NVL		HOSE	103,000	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
VGG		UPCOM	43,500	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
VCB		HOSE	108,500	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB		HOSE	35,000	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB		HOSE	51,000	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG		HOSE	17,350	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP		HOSE	60,900	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
CTD		HOSE	62,500	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
FPT		HOSE	83,800	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS		HNX	20,200	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC		HOSE	38,900	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
ACV		UPCOM	71,500	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
PLX		HOSE	56,500	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT		HOSE	22,800	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
QNS		UPCOM	43,100	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
GAS		HOSE	92,700	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	62,600	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
TNG		HOSE	26,000	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	60,300	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR		UPCOM	21,000	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	19,150	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
LHG		HOSE	43,900	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
CTR		UPCOM	95,000	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	12,300	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

## © Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### Chi nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

### Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.